

Bản án số: 246/2020/HS-PT

Ngày: 24-4-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lưu Ngọc Cảnh**

Các thẩm phán: Ông **Hoàng Văn Thành**

Ông **Nguyễn Văn Phổ**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Tường Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thu Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 249/2020/TLPT-HS ngày 17 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Đăng L do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2020/HS-ST ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, Hà Nội.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

NGUYỄN ĐĂNG L, sinh ngày 10/11/19XX tại H N; ĐKKHKT và nơi cư trú: thôn Đ L, xã Đ L, huyện H Đ, TP Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đăng T và bà Nguyễn Thị T (đã chết); có vợ Phạm Thị T và 02 con, con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 1990; tiền án: Bản án số 501/HSST ngày 26/3/1998 TAND thành phố Hồ

Chí Minh xử phạt 16 năm tù về các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân*”, “*Giả mạo chức vụ, cấp bậc*” và “*Giả mạo giấy chứng nhận tài liệu của cơ quan nhà nước, của tổ chức xã hội*” (Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/10/2011, tại thời điểm phạm tội năm 2015 bị cáo chưa được xóa án tích), tiền sự: Không; nhân thân: Bản án HSST số 84 ngày 27/10/1988 TAND tỉnh Hà S Bình xử 3 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Trộm cắp tài sản riêng công dân*”. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/6/2019, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ năm 2012 đến năm 2015 Nguyễn Đăng L đã có hành vi làm giả 08 Giấy đăng ký xe mô tô các loại (trong đó 01 giấy ghi tên Nguyễn Thị Minh H và 07 giấy ghi tên Nguyễn Đăng L) với mục đích để lừa đảo, qua hành vi bán và cầm cố 09 chiếc xe mô tô với biển số và giấy đăng ký xe giả cho người dân xã Đông La, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, Cơ quan điều tra đã thu giữ 09 xe mô tô này, cụ thể là:

1. Nguyễn Đăng L và anh Nguyễn Đình T (Sinh năm 19XX, Nơi cư trú: xóm X, thôn Đ L, xã Đ L, huyện H Đ, thành phố Hà Nội) có mối quan hệ là bạn bè (bạn học cùng nhau). Khoảng tháng 8/2012 anh T đến nhà L chơi và biết L có xe mô tô bán. Do anh T có nhu cầu mua xe mô tô làm phương tiện đi lại nên anh T và L đã thỏa thuận việc mua bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu trắng biển số: 29X5 - 055.XX; Số máy: 0562238; Số khung: 540612 (xe đã qua sử dụng). Anh T hỏi L về nguồn gốc của xe mô tô, thì L giới thiệu là xe mô tô của L và Giấy đăng ký xe mang tên L. Sau khi anh T xem xe và giấy tờ xe đăng ký đúng tên L và trùng số khung, số máy của xe mô tô nên đã đồng ý mua xe của L với giá 15.000.000 đồng. Anh T trả tiền cho L và nhận giấy tờ xe và xe mô tô để quản lý và sử dụng. Trong quá trình sử dụng, do anh T và anh Nguyễn Thiệu M (Sinh năm 19XX, Nơi cư trú: Đ L, xã Đ L, huyện H Đ, thành phố Hà Nội) có quen hệ bạn bè và nợ nần nhau tiền, do anh T không có tiền trả nên đã bán lại chiếc xe cho anh M với giá 8.500.000 đồng. Sau đó anh M lại tiếp tục bán chiếc xe mô tô lại cho chị Chu

Thị Y (Sinh năm 19XX, Nơi cư trú: Đ L, xã Đ L, huyện H Đ, thành phố Hà Nội) với giá 8.500.000 đồng. Quá trình sử dụng anh T làm mất giấy đăng ký xe nên việc mua bán xe mô tô giữa anh T và L, anh M, chị Y đều là thỏa thuận miệng, không có giấy tờ mua bán xe. Sau khi được cơ quan công an huyện Hoài Đức mời lên làm việc về xác định nguồn gốc chiếc xe mô tô chị Y đang sử dụng là xe không rõ nguồn gốc nên Chị Y đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan Công an gồm:

Vật chứng: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu trắng đã qua sử dụng, biển số: 29X5 - 055.XX; Số máy: 0562238; Số khung: 540612 (xe không có giấy đăng ký xe và các giấy tờ kèm theo).

2. Đến khoảng tháng 7/2013 do anh Nguyễn Văn H (Sinh năm 19XX, Nơi cư trú ở thôn Đ N, xã Đ L, huyện H Đ, thành phố Hà Nội) muốn tìm mua xe làm phương tiện đi lại qua việc nói chuyện với anh T. Do vậy, L nhờ anh T bán hộ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, màu trắng đen, biển số: 29P1 - 22.XXX, số máy: 0802953; số khung: 204810 (xe đã qua sử dụng), đăng ký xe mô tô ghi tên: Nguyễn Thị Minh H địa chỉ ở tập thể Sỹ quan cao cấp, Học viện Quốc phòng - Cầu Giấy cho anh Hậu với giá 25.000.000 đồng. Sau khi kiểm tra xe thấy số khung, số máy của xe mô tô trùng với Giấy đăng ký xe nên anh H nhận xe và trả tiền cho anh T theo thỏa thuận, anh T nhận tiền bán xe mô tô từ anh H và đưa lại cho L. Việc mua bán xe giữa anh T và anh H được ghi nhận bằng giấy mua bán xe do anh T viết.

Vật chứng: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, màu trắng đen, Biển số: 29P1 - 22.XXX, số máy: 0802953; số khung: 204810 (đã qua sử dụng); 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị Minh H, địa chỉ ở tập thể sỹ quan cao cấp HVQP - Cầu Giấy; 01 giấy mua bán xe do anh T lập; 01 bản phô tô giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Minh H (Do anh Nguyễn Văn H tự nguyện giao nộp ngày 19/8/2015).

3. Khoảng tháng 10/2014 L một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda SH150i, màu đỏ biển số: 29P1-209.XX đến nhà anh Nguyễn Ngọc S (Sinh năm 19XX, Nơi cư trú: thôn Đ N, xã Đ L, huyện H Đ, thành phố Hà Nội) (là bạn học cùng với L) chơi và nói chuyện muốn bán chiếc xe mô tô

này. Do anh S có nhu cầu mua xe mô tô làm phương tiện đi lại nên anh S và L đã thỏa thuận việc mua bán. Anh S hỏi L về nguồn gốc của xe mô tô, thì được L giới thiệu là xe mô tô của L, và Giấy đăng ký xe mang tên L. Sau khi anh S xem xe và giấy tờ xe đăng ký tên L và trùng số khung, số máy của xe mô tô và giấy đăng ký nên đã đồng ý mua xe của L với giá 70.000.000 đồng. Anh S trả tiền cho L và nhận giấy tờ xe và xe mô tô để quản lý và sử dụng, việc mua bán xe mô tô anh S và L thỏa thuận miệng, không có giấy tờ mua bán xe. Sau khi được cơ quan công an huyện Hoài Đức mời lên làm việc về nguồn gốc chiếc xe mô tô anh S đang sử dụng là vật chứng của vụ án nên anh S đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan Công an.

Vật chứng: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH150i, màu đỏ biển số: 29P1-209.XX, số máy 1101095, số khung 129707 (xe đã qua sử dụng) và 01 Giấy đăng ký xe SH nêu trên mang tên Nguyễn Đăng L do anh Nguyễn Ngọc S tự nguyện giao nộp cho cơ quan CSĐT Công an huyện Hoài Đức ngày 19/8/2015.

4. Khoảng tháng cuối năm 2014 và năm 2015 L đến nhà anh Nguyễn Phụ T1 (Sinh năm 19XX, Nơi cư trú ở thôn Đ L, xã Đ L, huyện H Đ, thành phố Hà Nội) (là bạn học cùng với L) để chơi và uống rượu cùng với gia đình anh T1. Tại nhà anh T1, L gặp các anh Lê Đức H (sinh năm 19XX), Nguyễn Bá K (Sinh năm 19XX), Nguyễn Bá M (sinh năm 19XX) và anh Nguyễn Xuân H (sinh năm 19XX) đều có nơi cư trú ở xã Đ L, huyện H Đ, thành phố Hà Nội cũng đến nhà anh T1 chơi và ăn cơm. Qua nói chuyện L biết 04 người nêu trên có nguyện vọng mua xe mô tô làm phương tiện đi lại nên cũng tương tự với thủ đoạn gian dối nói là xe mô tô của L như trên, L đã giới thiệu và bán được 04 chiếc xe mô tô cho anh H, K, M và H, cụ thể là:

- Tháng 10/2014, L bán cho anh Lê Đức H: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đen bạc, biển số giả: 29P1-28.XXX (xe đã qua sử dụng) kèm theo Giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Đăng L với giá 18.000.000 đồng, việc mua bán xe có viết giấy và L có giao cho anh H bản phô tô Giấy chứng minh nhân dân của Nguyễn Đăng L.

Vật chứng: 01 chiếc mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đen bạc, biển số: 29P1-28.XXX. Số máy: 0249673; Số khung: 209676 (xe đã qua sử dụng) cùng 01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Đăng L, địa chỉ ghi ở khu tập thể SQ cao cấp HVQP - Cầu giấy; 01 giấy phô tô chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Đăng L do anh Lê Đức H tự nguyện giao nộp cho cơ quan CSĐT Công an huyện Hoài Đức ngày 19/8/2015.

- Tháng 12/2014, L bán cho anh Nguyễn Bá K: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đen, biển số giả: 29X5-007XX (xe đã qua sử dụng) kèm theo giấy đăng ký xe tên Nguyễn Đăng L, với giá 18.000.000 đồng, việc mua bán xe chỉ thỏa thuận miệng.

Vật chứng: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đen, biển số: 29X5-007XX. Số máy: 0400812; Số khung: 352881 (xe đã qua sử dụng) cùng 01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Đăng L, do anh Nguyễn Bá K tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoài Đức ngày 19/8/2015.

- Tháng 5/2015, L bán cho anh Nguyễn Bá M: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đỏ đen, biển số giả: 29X5-235.XX (xe đã qua sử dụng) kèm theo giấy đăng ký xe tên Nguyễn Đăng L, với giá 30.000.000 đồng, việc mua bán xe có viết giấy.

Vật chứng: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đỏ đen, biển số: 29X5-235.XX. Số máy: 5069881; Số khung: 569748 (xe đã qua sử dụng) cùng 01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Đăng L, 01 giấy phô tô chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Đăng L do anh Nguyễn Bá M tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoài Đức ngày 19/8/2015.

- Tháng 8/2015, L bán cho anh Nguyễn Xuân H: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu trắng đen, biển số giả: 29X5-182XX (xe đã qua sử dụng) kèm theo giấy đăng ký xe tên Nguyễn Đăng L, với giá 25.000.000 đồng, việc mua bán xe có viết giấy.

Vật chứng: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu trắng đen, biển số: 29X5-182XX. Số máy: 0001964; số khung 001467 (xe đã qua sử

dụng) cùng 01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Đăng L, do anh Nguyễn Xuân H tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoài Đức ngày 19/8/2015.

5. Ngày 16/4/2015 L một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu xanh - Vàng, biển số: 29X5-288.XX đến cửa hàng cầm đồ của anh Dương Đăng M (sinh năm 19XX) ở tổ dân phố T L, phường D N, quận H Đ, thành phố Hà Nội để cầm cố. Sau khi xem xe và kiểm tra Giấy đăng ký xe tên Nguyễn Đăng L, anh M đồng ý nhận cầm cố xe mô tô của L với số tiền 31.000.000 đồng, L nhận tiền và hẹn 10 ngày sau sẽ quay lại lấy xe, tuy nhiên sau đó L không quay lại.

Vật chứng: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu xanh - Vàng, biển số: 29X5-288.XX, Số máy: 0285348, Số khung: 640085 (xe đã qua sử dụng) cùng 01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Đăng L, do anh Dương Đăng M tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoài Đức ngày 20/8/2015.

6. Khoảng tháng 8/2015 L một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đỏ, đen biển số: 29X5-127.XX đến nhà anh Nguyễn Quốc Đ (sinh năm 19XX, Nơi cư trú ở thôn Đ L, xã Đ L, huyện H Đ, thành phố Hà Nội) (là bạn bè quen biết với L). L nói đang cần tiền nên muốn vay của anh Đ số tiền 20.000.000 đồng và để lại chiếc xe mô tô này. Sau khi kiểm tra xe và giấy đăng ký xe tên Nguyễn Đăng L anh Đ đồng ý giữ xe và đưa tiền cho L như đã thỏa thuận. Tuy nhiên sau đó L không đến trả tiền để lấy xe.

Vật chứng: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đỏ đen, Biển số: 29X5-127.XX, Số máy: 0135797, Số khung: 0135797 (xe đã qua sử dụng) cùng 01 giấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Đăng L, do anh Nguyễn Quốc Đ tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoài Đức ngày 22/8/2015.

Tổng số xe mô tô thu giữ là 09 xe nêu trên, có 08 xe có giấy đăng ký xe mô tô (Đăng ký xe máy Lead BKS: 29P1-228.XX mang tên Nguyễn Thị Minh H ở TT Sỹ Quan Cao Cấp Học viện chính trị Quốc gia, Cầu Giấy, Hà Nội, các xe mô tô còn lại đều có đăng ký mang tên Nguyễn Đăng L).

Ngày 11/01/2016 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoài Đức đã có Quyết định trưng cầu định giá tài sản số 23/ĐGTS trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hoài Đức để xác định giá trị tài sản chiếm đoạt.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐ ĐGTS ngày 18/01/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hoài Đức xác định:

1. Xe mô tô nhãn hiệu SH150i, màu đỏ, biển số: 29P1-209.XX, số máy 1101095, số khung 129707, đã qua sử dụng tháng 8/2012 có giá 71.667.000 đồng.

2. Xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, màu trắng đen, biển số: 29P1-22.XXX. Số máy: 0802953; Số khung: 204810, đã qua sử dụng từ tháng 12/2012, có giá 21.667.000 đồng.

3. Xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu trắng, biển số: 29X5 - 055.XX; Số máy: 0562238; Số khung: 540612, đã qua sử dụng từ tháng 012/2011, có giá 20.667.000 đồng.

4. Xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số: 29X5-007XX. Số máy: 0400812; Số khung: 352881, đã qua sử dụng từ tháng 8/2010, có giá 21.000.000 đồng.

5. Xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đen bạc biển số: 29P1-282XX. SM: 0249673; SK: 209676, đã qua sử dụng từ tháng 3/2010, có giá 21.000.000 đồng.

6. Xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đỏ đen, biển số: 29X5-235XX. SM: 5069881; SK: 569748, đã qua sử dụng từ tháng 12/2007, có giá 35.000.000 đồng.

7. Xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu trắng đen, biển số: 29X5-182XX. SM:0001964; SK: 001467, đã qua sử dụng từ tháng 3/2010, có giá 31.000.000 đồng.

8. Xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu xanh -Vàng biển số: 29X5-288.XX, SM: 0285348, SK: 640085, đã qua sử dụng từ tháng 12/2014, có giá 29.667.000 đồng.

9. Xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đenbiển số: 29X5-127.XX, SM: 0135797, SK: 0135797, đã qua sử dụng từ tháng 3/2010, có giá 31.167.000 đồng.

Tổng số tiền các tài sản cần định giá trên là: 283.335.000 đồng.

Ngày 24/8/2015 và ngày 05/01/2016 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoài Đức ra Quyết định trưng cầu giám định số 189 và số 42: Trưng cầu Phòng PC54 Công an thành phố Hà Nội giám định số khung, số máy, biển số xe và Giấy đăng ký xe đối với số vật chứng thu giữ.

Tại bản kết luận giám định số 5316/PC54 ngày 22/9/2015 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội kết luận: Số khung, số máy của 08 chiếc xe mô tô là nguyên thủy (gồm các xe biển số giả: 29P1-209.XX; 29P1-228.XX; 29X5-055.XX; 29X5-007.XX; 29P1-282.XX; 29X5-235.XX; 29X5-182.XX; 29X5-288.XX).

Tại Bản kết luận giám định số 482/PC54(GĐ) ngày 23/01/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade biển số 29X5-127.XX gửi giám định có số khung NC110AP-0135797 và số máy NC110APE-0135797 là số đóng lại, không khôi phục được số khung, số máy nguyên thủy của xe.

Tại bản kết luận giám định số 7807/KLGD-PC54 ngày 18/11/2015 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội kết luận: 08 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy thu giữ nêu trên (01 giấy ghi tên Nguyễn Thị Minh H và 07 giấy ghi tên Nguyễn Đăng L) đều là 08 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy giả.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoài Đức đã tiến hành tra cứu xác minh nguồn gốc các xe mô tô đã thu giữ theo số khung số máy nguyên thủy xác định như sau:

1. Xe mô tô nhãn hiệu Honda SH150i, biển số 29P1-209.XX có biển số gốc là: 59N1-415.XX, đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Kim C (Sinh năm 19XX, Nơi cư trú ở X HLY, phường B H B, quận B T, thành phố Hồ Chí Minh), là xe vật chứng trong vụ trộm cắp tài sản xảy ra tháng 7/2013, Cơ quan

Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh đã khởi tố vụ án, chị C là người bị hại.

2. Xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, biển số: 29P1-228.XX có biển số gốc là: 59N2-316.XX, đăng ký xe mang tên Bùi Mai Hoàng T (sinh năm 19XX, Nơi cư trú ở FX/Y ấp X, xã H L, huyện B C, thành phố Hồ Chí Minh). Là vật chứng trong vụ án Trộm cắp tài sản đã được Cơ quan CSĐT huyện Bình Chánh khởi tố, điều tra, bị hại là chị Nguyễn Thị Thu P (Sinh năm 19XX là vợ của anh T).

3. Xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số: 29X5-007.XX có biển số gốc là 54M5-64XX, đăng ký xe mang tên Nguyễn Phương K (Sinh năm 19XX, Nơi cư trú ở X/Y Ô Í K, phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh). Là xe vật chứng trong vụ Trộm cắp tài sản mà Cơ quan CSĐT Công an huyện Bình Chánh khởi tố, bị hại là chị Nguyễn Thị Kim E (Sinh năm 19XX là vợ của anh K).

Ngày 15/4/2016 Cơ quan CSĐT Công an huyện Bình Chánh có Công văn đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoài Đức trả lại tài sản cho những người bị hại là chị C, chị P và chị E Ngày 15/6/2016 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoài Đức đã trả lại cho chị C chiếc xe mô tô để tiếp tục quản lý và sử dụng. Ngày 25/8/2016 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoài Đức đã trả lại cho anh Bùi Mai Hoàng T (theo ủy quyền của chị P cho anh T) chiếc xe mô tô để tiếp tục quản lý và sử dụng. Ngày 07/10/2016 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoài Đức đã trả lại cho anh Đàm K (Sinh năm 19XX, Nơi cư trú tổ X, phường V Q, quận H Đ, thành phố Hà Nội) (theo ủy quyền của chị E cho anh K) chiếc xe mô tô để tiếp tục quản lý và sử dụng. Chị C, chị P và chị E không có yêu cầu đề nghị gì.

4. Xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số: 29X5-235.XX có biển số gốc là: 81T1-22XX, đăng ký xe mang tên Phạm Xuân C (Sinh năm 19XX, Nơi cư trú: số X P Đ P, phường T S, thành phố P, tỉnh Gia Lai) và thuộc quyền sở hữu của chị Phạm Thị Lệ V (Sinh năm 19XX) là con gái của ông C. Chị V trình bày ngày 12/4/2015 chị V điều khiển xe mô tô đến địa chỉ 46/7 Lê Hồng Phong, phường 2, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh thì bị mất trộm, chị

V đã trình báo Công an Phường 2. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại Công an phường 2, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh xác định không có tài liệu về việc chị V trình báo mất trộm, chiếc xe không phải là xe vật chứng của vụ án khác. Ngày 17/9/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Hoài Đức trả lại cho chị V chiếc xe tiếp tục quản lý và sử dụng, chị V nhận xe và không có yêu cầu đề nghị gì.

5. Xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển số 29X5-055.XX có biển số gốc là: 86B7-005.XX, đăng ký xe mang tên Võ Tiến Hồng H (Sinh năm 19XX ở Thôn X, xã Đ P, huyện T L, tỉnh Bình Thuận). Là xe vật chứng trong vụ án Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản mà cơ quan CSĐT Công an quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh khởi tố, bị hại là anh Dương Thái B (Sinh năm 19XX, Nơi cư trú: xã MP, huyện Đ L, tỉnh Bình Thuận).

Ngày 16/3/2016 Cơ quan CSĐT Công an huyện Bình Thạnh có Công văn đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoài Đức trả lại tài sản cho những người bị hại là anh B. Ngày 11/6/2016 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoài Đức đã ra Quyết định trả lại xe mô tô nêu trên cho anh Dương Thái B. Tuy nhiên hiện tại anh B đang chấp hành án tại trại giam An Phước - Bộ Công an theo Bản án xét xử ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 16 năm tù về tội Giết người. Ngày 09/10/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoài Đức có công văn gửi trại giam An Phước đề nghị Trại giam làm việc yêu cầu Dương Thái B về việc ủy quyền nhận tài sản. Ngày 16/10/2019 Dương Thái B có đơn từ chối nhận lại tài sản và đề nghị sung công quỹ nhà nước chiếc xe mô tô nêu trên.

6. Xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số: 29P1-282.XX có biển số gốc là: 54H3-93XX, đăng ký xe mang tên Huỳnh Thị G (Sinh năm 19XX, Nơi cư trú ở XL1, G C, phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh). Quá trình điều tra chị G trình bày chị mua xe năm 2010 và sử dụng được khoảng 4 năm thì mang ra chợ xe ở quận X, thành phố Hồ Chí Minh bán cho một người đàn ông không quen biết, nên chị không biết chiếc xe thuộc quyền sở hữu của ai. Cơ quan Cảnh sát điều tra xác minh xác định chiếc xe không phải là vật chứng của vụ án khác.

7. Xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển số: 29X5-182XX có biển số gốc là: 54Z2-88XX, đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Thanh D (Sinh năm 19XX, Nơi cư trú ở XA/Y/Z C L, N K, phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh). Cơ quan điều tra đã xác minh tại Công an phường X, quận Y xác định chị D đã đi khỏi địa phương từ năm 2013 và không khai báo nên địa phương hiện không biết ở đâu, do vậy Cơ quan điều tra không ghi được lời khai của chị D. Tra cứu xác minh chiếc xe mô tô không là vật chứng của vụ án nào.

8. Xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, biển số: 29X5-288.XX có biển số gốc là: 95E1-219.XX, đăng ký xe mang tên Lê Mỹ P (Sinh năm 19XX, Nơi cư trú ở ấp T L A1, xã T L, huyện P H, tỉnh Hậu Giang). Cơ quan điều tra đã xác minh tại Công an xã Tân Long xác định chị P và gia đình đã đi khỏi địa phương từ năm 2016 và không khai báo nên địa phương hiện không biết ở đâu, do vậy Cơ quan điều tra không ghi được lời khai của chị P. Tra cứu xác minh chiếc xe mô tô không là vật chứng của vụ án nào.

Như vậy, tổng số 09 xe mô tô thu giữ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoài Đức đã xác định 04 xe là vật chứng trong vụ án khác, đã trả lại cho người bị hại, 01 xe được anh B đề nghị sung công quỹ; còn 04 xe hiện chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp nên cơ quan điều tra cần tiếp tục xác minh làm rõ chủ sở hữu hợp pháp xử lý sau.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Đăng L khai nhận toàn bộ số xe mô tô L đã bán và cơ quan điều tra đã thu giữ nêu trên là xe do L mua của người quen là Vũ Đức T (Sinh năm 19XX, Nơi cư trú ở đường A D L, phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh). L biết các xe mô tô này không có giấy đăng ký xe nên đã liên hệ cùng với T làm giả Giấy đăng xe để bán kiếm lời. Để có mẫu Giấy đăng ký xe, L đã mượn Giấy đăng ký xe của một người thân ở Hoài Đức và ở quận Cầu Giấy để phô tô làm mẫu (L không nhớ cụ thể là mượn ai), sau đó L chuyển vào cho T để làm giả Giấy đăng ký xe mô tô cho các xe nêu trên. L nhận xe mô tô chuyển ra từ miền Nam qua tuyến xe khách Hoàng Long. Quá trình điều tra vụ án Vũ Đức T trình bày có quen biết L nhưng T không thừa nhận việc mua bán xe máy và làm giấy đăng ký xe giả cho L. Cơ quan CSĐT Công an huyện Hoài Đức đã làm việc với chi nhánh Công ty TNHH

Vận tải Hoàng Long tại Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ ở số 44 QL 13, khu phố 3, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh) và tại Hà Nội (địa chỉ ở số 21 Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội) về việc gửi xe mô tô của L và T theo xe khách trong thời gian từ năm 2012 đến 2015. Tuy nhiên, Công ty chỉ lưu giữ thông tin khách hàng trong thời gian 2 năm, hiện không có sổ sách hay tài liệu gì lưu giữ nên không xác định được thông tin người gửi nhận trong thời gian này. Căn cứ lời khai của L Cơ quan CSĐT Công an huyện Hoài Đức đã tiến hành thu thập tài liệu xác minh các nội dung liên quan, xác định ngoài lời khai của L về Vũ Đức T thì không có tài liệu nào khác xác định T cùng thực hiện việc mua bán và làm giấy đăng ký xe giả với L để bán kiếm lời. Do vậy, chưa đủ căn cứ xác định T đồng phạm với L về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và làm giả giấy đăng ký xe nêu trên nên không đề cập xử lý.

Đối với anh Nguyễn Đình T là người được L nhờ bán chiếc xe mô tô cho anh H, quá trình điều tra xác định do trước đó anh T đã mua xe mô tô của L làm phương tiện đi lại, qua nói chuyện anh T được biết anh H có nguyện vọng mua xe nên nói lại với L và được L nhờ bán và giao xe cho anh H và nhận tiền trả lại cho L. Anh T chỉ biết là xe mô tô của L, không biết rõ nguồn gốc chiếc xe mô tô L bán là xe vật chứng do L làm giả Giấy đăng ký xe để bán nên không xác định anh T đồng phạm với L về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đối với anh Dương Đăng M và Nguyễn Quốc Đ nhận cầm cố xe mô tô cho L, các anh Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Văn H, Nguyễn Đình T, Nguyễn Bá K, Nguyễn Bá M, Lê Đức H, Nguyễn Xuân H là những người mua xe của L, khi thực hiện giao dịch không biết là xe đã bị L làm giả Giấy tờ để lừa đảo, không biết là xe vật chứng trong vụ án khác nên không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Các anh Dương Đăng M và Nguyễn Quốc Đ, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Văn H, Nguyễn Đình T, Nguyễn Bá K, Nguyễn Bá M, Lê Đức H, Nguyễn Xuân H yêu cầu L phải trả lại số tiền các anh đã mua xe, cụ thể là: Anh S yêu cầu L trả số tiền 70.000.0000 đồng; anh T yêu cầu L

trả số tiền 25.000.000 đồng để T trả lại cho anh H do anh T là người nhận tiền mua xe từ anh H; Anh K yêu cầu L phải trả số tiền 18.000.000 đồng; Anh H yêu cầu L phải trả số tiền 18.000.000 đồng; Anh Nguyễn Bá M yêu cầu L phải trả số tiền 30.000.000 đồng; Anh H yêu cầu L phải trả số tiền 25.000.000 đồng; Anh Dương Đăng M yêu cầu L trả số tiền 31.000.000 đồng; Anh Nguyễn Quốc Điều yêu cầu L trả số tiền 10.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt L chưa bồi thường.

Đối với các yêu cầu của các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, trong quá trình chuẩn bị xét xử, gia đình bị cáo đã khắc phục trả cho hầu hết các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Những người này đã nhận đầy đủ tiền bồi thường và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Còn lại trường hợp của anh Dương Đăng M, tại phiên tòa anh Dương Đăng M yêu cầu bị cáo phải bồi thường 20.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 09/2020/HS-ST ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đăng L phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan nhà nước*”.

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự 1999 (nay là điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017); điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự 1999 (nay là điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 điều 52; điều 55; điều 38 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017: xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng L 08 (tám) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 03 (ba) năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan nhà nước*”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội là 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/6/2019.

- Ngoài ra bản án còn tuyên về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/02/2020 bị cáo Nguyễn Đăng L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đăng L đã khai nhận một phần hành vi phạm tội của mình đúng với nội dung bản cáo trạng và bản án sơ thẩm đã quy kết. Bị cáo thay đổi kháng cáo cho rằng bị cáo chỉ thực hiện hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức mà không thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, khi bán xe bị cáo đều nói với người mua xe là xe nhập lậu, giấy tờ chỉ đề xuất trình khi sử dụng xe và mức án sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là quá nặng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá, phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nhân thân bị cáo, xem xét kháng cáo của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng Hình sự, xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đăng L và giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm; các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đăng L đúng về mặt chủ thể kháng cáo và trong thời hạn của luật định nên được chấp nhận để xem xét.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm mặc dù bị cáo không thừa nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản song căn cứ vào lời khai của bị cáo Nguyễn Đăng L tại Cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều khẳng định bị cáo thực hiện hành vi làm giả giấy tờ đăng ký xe trùng với thông tin của các xe, đứng tên bị cáo và gian dối trong việc nói là xe hợp pháp của bị cáo cần tiền nên bán, cầm cố nhằm chiếm đoạt tiền của những người bị hại. Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Đăng L tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những người làm chứng, kết luận định giá tài sản, kết luận

giám định, tang vật chứng đã thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến năm 2015, Nguyễn Đăng L đã có hành vi làm giả 09 Giấy đăng ký xe mô tô các loại (trong đó 01 giấy ghi tên Nguyễn Thị Minh H và 08 giấy ghi tên Nguyễn Đăng L) với mục đích để lừa đảo, qua hành vi bán và cầm cố 09 chiếc xe mô tô với biển số và giấy đăng ký xe giả cho các anh: Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Đình T (anh T bán lại cho bà Chu Thị Y và anh Nguyễn Văn H), Nguyễn Bá K, Nguyễn Bá M, Lê Đức H, Nguyễn Xuân H, Dương Đăng M và Nguyễn Quốc Đ với tổng giá trị các tài sản bị cáo lừa đảo có giá trị là 283.335.000 đồng, Nguyễn Đăng L chiếm đoạt được là 242.000.000 đồng chi tiêu cá nhân. Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Đăng L đã bị Toà án cấp sơ thẩm xét xử về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự 1999 (nay là điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017) và điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự 1999 (nay là điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017) là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Cấp sơ thẩm viện dẫn Điều 267 Bộ luật Hình sự 1999 (nay là Điều 341 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017) là tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan nhà nước*” là chưa chính xác về tên của Điều luật mà phải là tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, nên cần phải rút kinh nghiệm.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đăng L cho rằng mức án mà cấp sơ thẩm xử nặng thì Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án; bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*” và “*Phạm tội từ hai lần trở lên*” được quy định tại điểm g, h khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự; trong quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường khắc phục phần lớn hậu quả cho người bị hại và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; gia đình bị cáo có bố là người có công với các mạng, là thương binh, được tặng thưởng Huân

chương chiến công hạng nhất được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự song đã xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng L mức hình phạt 08 năm tù về tội tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 03 năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” là còn có phần nghiêm khắc. Bị cáo Nguyễn Đăng L bản thân có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình; tài sản bị cáo chiếm đoạt đã trả phần lớn cho bị hại; hành vi làm giả các giấy đăng ký xe là thủ đoạn gian dối để bị cáo thực hiện được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do vậy nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo yên tâm cải tạo sớm hòa nhập với xã hội thành công dân tốt.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

[5] Bị cáo Nguyễn Đăng L kháng cáo được cấp phúc thẩm chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng Hình sự,

1. Sửa một phần bản án sơ thẩm:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017); điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 (điểm b áp dụng riêng đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”); điểm g, h khoản 1 điều 52 (điểm g áp dụng riêng đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”); Điều 38; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: xử phạt bị cáo **Nguyễn Đăng L 07 (Bảy)** năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và **02 (Hai)** năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội là **09 (Chín)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày **05/6/2019**.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đăng L không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội;
- Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức;
- Công an huyện Hoài Đức;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Hoài Đức;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Ngọc Cảnh